

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/11/2017

V/v: “Ly hôn – Chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hằng.
2. Ông Hồ Hoàng Mộng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017. Về việc: “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lâm Thị Diệu T, sinh năm: 1992

Đăng ký thường trú: Ấp LT 2, xã LP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1990.

Đăng ký thường trú: Ấp LT 2, xã LP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1957

Địa chỉ: Ấp LT 2, xã LP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Lâm Thị Diệu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 17/02/2017 chị T và anh N kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú, thị xã Long Mỹ, hôn nhân do chị T và anh N cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đã ly thân khoảng hơn 01 tháng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Có, vợ chồng đã tự thỏa thuận xong không còn.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Trọng N trình bày: Anh N cũng thừa nhận lời trình bày của chị T về ngày tháng năm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, nợ chung là đúng. Về phần tài sản chung thì anh không thống nhất. Anh N cho rằng khi cưới mẹ vợ có cho vợ chồng anh chị 4,5 chỉ vàng 24k, và phía gia đình anh N có nạp tài cho chị T 20.000.000 đồng, hiện nay số vàng và tiền trên chị T đang quản lý. Nay anh N yêu cầu tòa án chia đôi số vàng và tiền trên. Đối với một số tài sản chung khác nhưng vợ chồng đã thống nhất tự thỏa thuận xong không yêu cầu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M là mẹ ruột của chị T, trước khi chị T cưới chồng thì bà M có cho T 01 tấm lắc 03 chỉ vàng 24k, 02 chiếc nhẫn 1,5 chỉ vàng tổng cộng là 4 chỉ 5 phân vàng 24k. Số vàng này bà M cho riêng chị T chứ không công bố cho bên nhà anh N biết. Nay anh N yêu cầu chia số vàng trên thì bà M không đồng ý.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn – chia tài sản khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 17/02/2017 chị T và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú nên hôn nhân của anh chị là đúng quy định pháp luật theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N. Anh N cũng đồng ý nên căn cứ Điều 55 luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Diệu T và anh Nguyễn Trọng N.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: anh N yêu cầu chia đôi phần tiền nạp tài là 20.000.000 đồng và số vàng bà M cho vợ chồng anh chị 4,5 chỉ vàng 24k mà chị T đang quản lý. Chị T không đồng ý cho rằng số vàng trên là tài sản riêng của chị, phần tiền nạp tài 20.000.000 đồng đã được chị xài chung hết khi đám cưới không còn.

4.1 Đối với số tiền nạp tài 20.000.000 đồng mà anh N đã đưa cho chị T, thì tại phiên tòa anh N khẳng định số tiền trên là anh N tự nguyện đưa cho gia đình chị T để đóng góp cho nhà gái tổ chức lễ cưới và anh chị cũng thừa nhận hai bên gia đình có tổ chức chức lễ cưới là sự thật, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy phần tiền nạp tài 20.000.000 đồng đã được nhà gái sử dụng vào việc tổ chức lễ cưới là phù hợp với phong tục tập quán của người Việt Nam, nên không chấp nhận yêu cầu chia đôi số tiền trên của anh N.

4.2 Đối với phần vàng 04 chỉ 5 phân vàng 24k chị T không đồng ý chia đôi với anh N do chị T cho rằng đây là phần tài sản riêng của chị T được mẹ ruột cho trước khi cưới, và số vàng trên cũng không được bà M công bố với bên nhà trai trong lễ cưới. Tại phiên tòa anh N cũng khẳng định số vàng 4,5 chỉ vàng 24k là anh N chỉ được chị T kể lại là mẹ cho T chứ khi tổ chức đám cưới thì bà M hoàn toàn không nói gì về số vàng trên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh N cũng không cung cấp được chứng cứ thuyết phục để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 “*đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”

“...Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án phải giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trước đó”.

Từ những nhận định trên không chấp nhận yêu cầu chia đôi số vàng 4,5 chỉ vàng 24k của bị đơn Nguyễn Trọng N. Đối với những tài sản chung khác thì anh N và chị T đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

[6] Về án phí:

6.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 5% án phí giá ngạch trên tổng giá trị tài sản không được Tòa án chấp nhận. Giá vàng 24k (loại 98%) tại thời điểm xét xử là 3.500.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản tranh chấp là 35.750.000 đồng/02 người = 17.875.000 đồng x 5% = 893.750 đồng. Bị đơn đã nộp 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản nên được khấu trừ lại. Số tiền còn lại bị đơn phải nộp là 393.750 đồng.

6.2 Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 43, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Diệu T và anh Nguyễn Trọng N.

2.Về con chung: không có.

3.Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn Nguyễn Trọng N đối với số vàng 4,5 chỉ vàng 24k (loại 98%) và tiền nạp tài 20.000.000 đồng. Những tài sản chung khác vợ chồng đã thống nhất tự thỏa thuận xong, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

5. Về án phí:

5.1 Án phí dân sự: Bị đơn Nguyễn Trọng N phải nộp 893.750 đồng. Bị đơn đã nộp 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo biên lai số 0012145 ngày 13 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ nên được khấu trừ lại. Số tiền còn lại bị đơn Nguyễn Trọng N phải nộp là 393.750 đồng (Ba trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

5.2 Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Diệu T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được chuyển từ tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo lai thu số 0012144 phiếu lập ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/11/2017).

Nơi Nhận:

- VKSND thị xã Long Mỹ;
- THADS thị xã Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã LP;
- Lưu HS;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Thị Thủy

